

Phụ lục I

**DỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Tờ trình số 37 /TTr-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chương trình	Trung ương giao	Địa phương giao	Ghi chú
	Tổng số	159.011	159.011	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025	159.011	159.011	

Phụ lục II

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số 37 /TTr-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Tổng cộng	Dự toán ngân sách Trung ương năm 2025																		Ghi chú
			Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Dự án 3			Dự án 4					Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Dự án 6			Dự án 7				
					Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án		Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án					Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án		Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án			
						TDA 1	TDA 2		TDA1		TDA 2	TDA3			TDA 1	TDA 2					
									Tổng cộng	Trong đó:											
	TỔNG SỐ	159.011	20.062	46.027	28.674	18.967	9.707	40.246	30.476	1.072	29.404	2.289	7.481	7.880	6.241	3.876	2.365	9.881	6.757	3.124	
I	Cấp tỉnh	3.391			243		243	1.410	1.072	1.072		114	224		1.400	1.163	237	338	338		
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	575													237		237	338	338		
2	Sở Y tế	243			243		243														
3	Sở Nội vụ	338						338				114	224								
4	Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.163													1.163	1.163					
5	Trường CĐ Kon Tum	1.072						1.072	1.072	1.072											
II	Cấp huyện	155.620	20.062	46.027	28.431	18.967	9.464	38.836	29.404		29.404	2.175	7.257	7.880	4.841	2.713	2.128	9.543	6.419	3.124	
1	Huyện Tư Mơ Rông	29.023	6.975	7.018	4.324	2.893	1.431	4.864	3.424		3.424	800	640	3.740	736	431	305	1.366	919	447	
2	Huyện Kon Plông	26.942	6.426	6.238	3.848	2.571	1.277	4.826	3.238		3.238	800	788	3.760	645	378	267	1.199	806	393	

TT	Đơn vị, địa phương	Tổng cộng	Dự toán ngân sách Trung ương năm 2025																		Ghi chú
			Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Dự án 3		Dự án 4				Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Dự án 6		Dự án 7							
					Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án		Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án			Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án								
						TDA 1	TDA 2		TDA1				TDA 2	TDA3	TDA 1	TDA 2					
									Trong đó:												
3	Huyện Ia H'Drai	17.360	6.661	3.644	2.154	1.501	653	3.477	2.548		2.548	575	354	380	365	214	151	679	457	222	

TT	Đơn vị, địa phương	Tổng cộng	Dự toán ngân sách Trung ương năm 2025																		Ghi chú
			Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Dự án 3			Dự án 4					Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Dự án 6			Dự án 7				
					Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án		Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án					Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án		Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án			
						TDA 1	TDA 2		TDA1		TDA 2	TDA3			TDA 1	TDA 2					
									Tổng cộng	Trong đó:											
4	Huyện Đắk Glei	13.886		5.118	3.119	2.109	1.010	3.946	3.128		3.128		818		596	349	247	1.107	745	362	
5	Huyện Sa Thầy	14.670		5.484	3.126	2.260	866	4.235	3.220		3.220		1.015		639	374	265	1.186	798	388	
6	Huyện Kon Rẫy	9.855		3.363	2.160	1.386	774	3.213	2.622		2.622		591		392	230	162	727	489	238	
7	Huyện Đắk Tô	10.368		3.485	2.311	1.436	875	3.412	2.668		2.668		744		406	238	168	754	507	247	
8	Huyện Đắk Hà	13.195		4.753	2.824	1.958	866	4.036	3.036		3.036		1.000		554	325	229	1.028	691	337	
9	Huyện Ngọc Hồi	8.182		2.536	1.795	1.045	750	3.007	2.392		2.392		615		296	174	122	548	369	179	
10	Thành phố Kon Tum	12.139		4.388	2.770	1.808	962	3.820	3.128		3.128		692		212		212	949	638	311	

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

- 1
- Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo
- *Tiếu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo*
- 2
- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo
- 3
- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng
- *Tiếu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*
- *Tiếu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng*
- 4
- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững
- *Tiếu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*
- *Tiếu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*
- *Tiếu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*

- Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo
- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin
- Tiếu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*
- Tiếu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*
- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình
- Tiếu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*
- Tiếu dự án 2: Giám sát, đánh giá*